

Số: 3308 /2016/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 07 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức thu lệ phí hộ tịch, đăng ký cư trú và
bãi bỏ quy định thu lệ phí chứng minh nhân dân

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 179/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính “Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”;

Căn cứ Nghị quyết số 173/2014/NQ-HĐND ngày 12/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XII – Kỳ họp thứ 18 “Về việc quy định thu các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh”;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 27/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khoá XIII - Kỳ họp thứ 2 "Về việc sửa đổi quy định khung mức thu lệ phí hộ tịch, đăng ký cư trú và bãi bỏ quy định thu lệ phí chứng minh nhân dân”;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 3698/TTr-STC ngày 30/09/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu lệ phí hộ tịch, đăng ký cư trú và bãi bỏ quy định thu lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh như sau:

- Mức thu bằng tiền lệ phí hộ tịch quy định tại Phụ lục 1 kèm theo;
- Mức thu bằng tiền lệ phí đăng ký cư trú quy định tại Phụ lục 2 kèm theo;
- Bãi bỏ các quy định thu lệ phí chứng minh nhân dân tại Quyết định số 3374/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Quản lý, sử dụng nguồn thu lệ phí hộ tịch, đăng ký cư trú:

Đơn vị thu lệ phí hộ tịch, đăng ký cư trú nộp 100% tổng số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước.

Đơn vị thu lệ phí có trách nhiệm niêm yết, thông báo công khai mức thu tại các điểm thu lệ phí; Tổ chức thu, quản lý và sử dụng tiền thu lệ phí theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/10/2016 và thay thế Quyết định số 3374/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh “Về việc quy định thu lệ phí hộ tịch, đăng ký cư trú, chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”.

Điều 4. Các ông (bà): Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, HDND tỉnh (báo cáo);
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 4 (thực hiện);
- Trung tâm thông tin;
- V0, V1, V2, V3, TM;
- Lưu VT, TM4.

QĐ 182a, 30 bản

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thành



PHỤ LỤC 1: MỨC THU LỆ PHÍ HỘ TỊCH

(Kèm theo Quyết định số 3308/2016/QĐ-UBND ngày 7/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu lệ phí
1	Đăng ký hộ tịch tại UBND cấp xã		
-	Khai sinh	đồng/trường hợp	5.000
-	Kết hôn	đồng/trường hợp	20.000
-	Khai tử	đồng/trường hợp	5.000
-	Nhận cha, mẹ, con	đồng/trường hợp	10.000
-	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	đồng/1 bản sao	2.000
-	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi, bổ sung hộ tịch	đồng/trường hợp	10.000
-	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	đồng/trường hợp	10.000
-	Ghi vào Sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của cá nhân theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	đồng/trường hợp	5.000
-	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác	đồng/trường hợp	5.000
2	Đăng ký hộ tịch tại UBND cấp huyện		
-	Khai sinh	đồng/trường hợp	50.000
-	Kết hôn		
	+ Đăng ký kết hôn	đồng/trường hợp	500.000
	+ Đăng ký lại kết hôn	đồng/trường hợp	1.000.000
-	Khai tử	đồng/trường hợp	50.000
-	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	đồng/1 bản sao	5.000
-	Giám hộ	đồng/trường hợp	50.000
-	Nhận cha, mẹ, con	đồng/trường hợp	1.000.000
-	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	đồng/trường hợp	25.000
-	Ghi vào Sổ hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	đồng/trường hợp	50.000
-	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác	đồng/trường hợp	50.000
3	Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật Đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước		Miễn thu

PHỤ LỤC 2: MỨC THU LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ CƯ TRÚ

(Kèm theo Quyết định số 3308/2016/QĐ-UBND ngày 07/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu lệ phí
1	Đối với các trường hợp: Bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; Thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Hộ gia đình thuộc diện xóa đói, giảm nghèo; Công dân thuộc xã, thị trấn vùng cao theo quy định của Ủy ban Dân tộc		Miễn thu
2	Đối với việc đăng ký và quản lý cư trú tại các phường nội thành của thành phố thuộc tỉnh		
-	Đăng ký cấp lần đầu, cấp lại, đổi sổ hộ khẩu cá nhân; cấp lại, đổi sổ hộ khẩu gia đình, sổ tạm trú;	đồng/lần đăng ký	10.000
-	Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú	đồng/lần cấp	5.000
-	Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú đối với trường hợp đính chính lại địa chỉ do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà, xóa tên trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú		Miễn thu
-	Cấp đổi sổ hộ khẩu cá nhân, gia đình, sổ tạm trú; theo yêu cầu của chủ hộ vì lý do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà	đồng/lần cấp	8.000
3	Đối với việc đăng ký và quản lý cư trú tại các khu vực khác		
-	Đăng ký cấp lần đầu, cấp lại, đổi sổ hộ khẩu cá nhân; cấp lại, đổi sổ hộ khẩu gia đình, sổ tạm trú;	đồng/lần đăng ký	5.000
-	Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú	đồng/lần cấp	2.000
-	Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú đối với trường hợp đính chính lại địa chỉ do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà, xóa tên trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú		Miễn thu
-	Cấp đổi sổ hộ khẩu cá nhân, gia đình, sổ tạm trú; theo yêu cầu của chủ hộ vì lý do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà	đồng/lần cấp	4.000
4	Đăng ký cấp lần đầu đối với: Cấp sổ hộ khẩu gia đình, sổ tạm trú		Miễn thu